

TOEIC TEST RESULT

Test date: 02/11/2025

Organization: POSTS AND TELECOMMUNICATIONS INSTITUTE OF TECHNOLOGY
Number of examinees: **96**
Maximum score: **990**
Minimum score: **275**
Average score: **715**

No.	Name		Code	Position	Type	Listening	Reading	Total	Proficiency Levels/ Training Levels	Test date
1	Nguyen Hong	Hai	B21DCPT096	SV Học viện CNBCVT	Type 1	495	495	990	General Professional Proficiency/Advance	2/Nov/25
2	Ngo The Quang	Tien	B21DCCN705	SV Học viện CNBCVT	Type 1	495	490	985	General Professional Proficiency/Advance	2/Nov/25
3	Bui Minh	Hoang	B19DCAT078	SV Học viện CNBCVT	Type 1	495	485	980	General Professional Proficiency/Advance	2/Nov/25
4	Duong Quang	Huy	B21DCCN433	SV Học viện CNBCVT	Type 1	495	485	980	General Professional Proficiency/Advance	2/Nov/25
5	Pham Le Bao	Phuc	B21DCVT350	SV Học viện CNBCVT	Type 1	485	490	975	General Professional Proficiency/Advance	2/Nov/25
6	Nguyen Thai	Minh	B21DCCN090	SV Học viện CNBCVT	Type 1	485	470	955	General Professional Proficiency/Advance	2/Nov/25
7	Trinh Ngoc	Duc	B21DCPT080	SV Học viện CNBCVT	Type 1	465	485	950	General Professional Proficiency/Advance	2/Nov/25
8	Ho Tien	Dung	B21DCCN267	SV Học viện CNBCVT	Type 1	485	460	945	General Professional Proficiency/Advance	2/Nov/25
9	Le Gia	Hung	B21DCCN424	SV Học viện CNBCVT	Type 1	470	475	945	General Professional Proficiency/Advance	2/Nov/25
10	Trinh Nguyen	Hoang	B21DCCN397	SV Học viện CNBCVT	Type 1	485	455	940	General Professional Proficiency/Advance	2/Nov/25
11	Do Duc	Thanh	B21DCCN676	SV Học viện CNBCVT	Type 1	480	450	930	General Professional Proficiency/Advance	2/Nov/25
12	Dao Xuan	Phu	B21DCPT030	SV Học viện CNBCVT	Type 1	455	450	905	General Professional Proficiency/Advance	2/Nov/25
13	Pham Minh	Duc	B21DCCN254	SV Học viện CNBCVT	Type 1	495	405	900	Limited Working Proficiency, Plus/ Pre-Advance	2/Nov/25

No.	Name		Code	Position	Type	Listening	Reading	Total	Proficiency Levels/ Training Levels	Test date
14	Do Quang	Huy	B21DCCN061	SV Học viện CNBCVT	Type 1	470	425	895	Limited Working Proficiency, Plus/ Pre-Advance	2/Nov/25
15	Mai Duc	Trung	B21DCAT193	SV Học viện CNBCVT	Type 1	470	420	890	Limited Working Proficiency, Plus/ Pre-Advance	2/Nov/25
16	Nguyen Ngoc Tuan	Binh	B21DCCN174	SV Học viện CNBCVT	Type 1	415	460	875	Limited Working Proficiency, Plus/ Pre-Advance	2/Nov/25
17	Pham Duc	Minh	B21DCAT133	SV Học viện CNBCVT	Type 1	450	425	875	Limited Working Proficiency, Plus/ Pre-Advance	2/Nov/25
18	Ta Dang	Dao	B21DCCN209	SV Học viện CNBCVT	Type 1	420	450	870	Limited Working Proficiency, Plus/ Pre-Advance	2/Nov/25
19	Nguyen Huu Hoang	Hat	B21DCDT086	SV Học viện CNBCVT	Type 1	460	405	865	Limited Working Proficiency, Plus/ Pre-Advance	2/Nov/25
20	Pham Minh	Cong	B21DCCN184	SV Học viện CNBCVT	Type 1	440	425	865	Limited Working Proficiency, Plus/ Pre-Advance	2/Nov/25
21	Pham Quang	Huy	B21DCCN439	SV Học viện CNBCVT	Type 1	435	430	865	Limited Working Proficiency, Plus/ Pre-Advance	2/Nov/25
22	Vu Trong	Hieu	B21DCVT198	SV Học viện CNBCVT	Type 1	455	405	860	Limited Working Proficiency, Plus/ Pre-Advance	2/Nov/25
23	Tran Minh	Tu	B21DCAT199	SV Học viện CNBCVT	Type 1	410	435	845	Limited Working Proficiency, Plus/ Pre-Advance	2/Nov/25
24	Le Dinh	Hao	B21DCCN332	SV Học viện CNBCVT	Type 1	455	385	840	Limited Working Proficiency, Plus/ Pre-Advance	2/Nov/25
25	Nguyen Dac	Phong	B21DCCN587	SV Học viện CNBCVT	Type 1	420	420	840	Limited Working Proficiency, Plus/ Pre-Advance	2/Nov/25
26	Bui Thi Quynh	Chi	B21DCAT045	SV Học viện CNBCVT	Type 1	430	405	835	Limited Working Proficiency, Plus/ Pre-Advance	2/Nov/25
27	Ngo Minh	Duc	B21DCVT133	SV Học viện CNBCVT	Type 1	420	410	830	Limited Working Proficiency, Plus/ Pre-Advance	2/Nov/25
28	Luong Ngoc	Mai	B24DCTM079	SV Học viện CNBCVT	Type 1	455	370	825	Limited Working Proficiency, Plus/ Pre-Advance	2/Nov/25
29	Cao Huu Bao	Khanh	B21DCAT006	SV Học viện CNBCVT	Type 1	405	415	820	Limited Working Proficiency, Plus/ Pre-Advance	2/Nov/25
30	Hoang Anh	Tuan	B21DCVT047	SV Học viện CNBCVT	Type 1	440	380	820	Limited Working Proficiency, Plus/ Pre-Advance	2/Nov/25
31	Tran Van Quang	Huy	B19DCCN323	SV Học viện CNBCVT	Type 1	410	410	820	Limited Working Proficiency, Plus/ Pre-Advance	2/Nov/25
32	Dao Binh	Minh	B21DCAT129	SV Học viện CNBCVT	Type 1	420	395	815	Limited Working Proficiency, Plus/ Pre-Advance	2/Nov/25

No.	Name		Code	Position	Type	Listening	Reading	Total	Proficiency Levels/ Training Levels	Test date
33	Pham Duc	Thinh	B21DCVT414	SV Học viện CNBCVT	Type 1	435	380	815	Limited Working Proficiency, Plus/ Pre-Advance	2/Nov/25
34	Ho Trong Nhat	Minh	B21DCCN524	SV Học viện CNBCVT	Type 1	405	400	805	Limited Working Proficiency, Plus/ Pre-Advance	2/Nov/25
35	Hoang Tran	Duy	B21DCCN293	SV Học viện CNBCVT	Type 1	365	425	790	Limited Working Proficiency, Plus/ Pre-Advance	2/Nov/25
36	Nguyen Huy	Hung	B21DCAT094	SV Học viện CNBCVT	Type 1	440	350	790	Limited Working Proficiency, Plus/ Pre-Advance	2/Nov/25
37	Trinh Khanh	Du	B21DCVT129	SV Học viện CNBCVT	Type 1	390	400	790	Limited Working Proficiency, Plus/ Pre-Advance	2/Nov/25
38	Bui Thuc	Tuan	B21DCAT203	SV Học viện CNBCVT	Type 1	370	415	785	Limited Working Proficiency, Plus/ Pre-Advance	2/Nov/25
39	Pham Duc	Thinh	B21DCAT181	SV Học viện CNBCVT	Type 1	390	390	780	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25
40	Nguyen Giang	Nam	B21DCVT310	SV Học viện CNBCVT	Type 1	420	355	775	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25
41	Nguyen Huy	Tu	B21DCCN750	SV Học viện CNBCVT	Type 1	355	420	775	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25
42	Hoang Ba	Duy	B21DCCN292	SV Học viện CNBCVT	Type 1	345	425	770	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25
43	Nguyen Viet	Hoang	B21DCDT101	SV Học viện CNBCVT	Type 1	430	340	770	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25
44	Nguyen Quang	Anh	B21DCCN005	SV Học viện CNBCVT	Type 1	405	360	765	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25
45	Bui Ba Tien	Anh	B21DCCN137	SV Học viện CNBCVT	Type 1	385	370	755	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25
46	Nguyen Hoang	Minh	B21DCVT293	SV Học viện CNBCVT	Type 1	410	345	755	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25
47	Nguyen Viet	Ha	B19DCCN211	SV Học viện CNBCVT	Type 1	345	410	755	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25
48	Tran Duc	Khai	B21DCAT108	SV Học viện CNBCVT	Type 1	430	325	755	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25
49	Truong Cong Tuan	Thanh	B21DCCN681	SV Học viện CNBCVT	Type 1	430	320	750	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25
50	Vu Manh	Rinh	B21DCVT375	SV Học viện CNBCVT	Type 1	385	365	750	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25
51	Nguyen Khac	Tuyen	B21DCAT217	SV Học viện CNBCVT	Type 1	370	365	735	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25

No.	Name		Code	Position	Type	Listening	Reading	Total	Proficiency Levels/ Training Levels	Test date
52	Cu Xuan	Hoa	B21DCCN375	SV Học viện CNBCVT	Type 1	365	365	730	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25
53	Nguyen Nhat	Minh	B21DCAT132	SV Học viện CNBCVT	Type 1	395	325	720	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25
54	Tran Thanh	Minh	B21DCDT151	SV Học viện CNBCVT	Type 1	385	330	715	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25
55	Quach Van	Son	B21DCAT165	SV Học viện CNBCVT	Type 1	375	330	705	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25
56	Ha Tien Duc	Anh	B21DCPT042	SV Học viện CNBCVT	Type 1	370	315	685	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25
57	Nguyen Quang	My	B21DCVT302	SV Học viện CNBCVT	Type 1	365	310	675	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25
58	Nguyen Trong	Truong	B21DCVT437	SV Học viện CNBCVT	Type 1	305	370	675	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25
59	Nguyen Van	Nghia	B21DCVT325	SV Học viện CNBCVT	Type 1	395	280	675	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25
60	Hoang Viet	Trung	B21DCCN729	SV Học viện CNBCVT	Type 1	350	320	670	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25
61	Nguyen Cong	Dat	B21DCAT055	SV Học viện CNBCVT	Type 1	365	305	670	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25
62	Pham Quang	Dat	B21DCVT014	SV Học viện CNBCVT	Type 1	410	260	670	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25
63	Van Minh	Hieu	B21DCVT196	SV Học viện CNBCVT	Type 1	350	310	660	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25
64	Vu Thanh	Ngan	B24DCPT158	SV Học viện CNBCVT	Type 1	310	350	660	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25
65	To Hai	Dang	B21DCPT068	SV Học viện CNBCVT	Type 1	300	350	650	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25
66	Bui Thi	Huyen	B21DCPT131	SV Học viện CNBCVT	Type 1	340	305	645	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25
67	Trinh Kieu	Trang	B21DCPT037	SV Học viện CNBCVT	Type 1	360	285	645	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25
68	Vu Trung	Lap	B21DCCN479	SV Học viện CNBCVT	Type 1	330	310	640	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25
69	Nguyen Huy	Hoang	B21DCPT120	SV Học viện CNBCVT	Type 1	365	270	635	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25
70	Vu Huy	Truong	B20DCCN714	SV Học viện CNBCVT	Type 1	370	260	630	Limited Working Proficiency/ Upper- Intermediate	2/Nov/25

No.	Name		Code	Position	Type	Listening	Reading	Total	Proficiency Levels/ Training Levels	Test date
71	Nguyen Hoang	Nam	B21DCVT035	SV Học viện CNBCVT	Type 1	285	315	600	Elementary Proficiency, Plus/Intermediate	2/Nov/25
72	Nguyen Thuy	Duong	B21DCVT156	SV Học viện CNBCVT	Type 1	300	295	595	Elementary Proficiency, Plus/Intermediate	2/Nov/25
73	Vu Cong	Duy	B21DCCN302	SV Học viện CNBCVT	Type 1	235	345	580	Elementary Proficiency, Plus/Intermediate	2/Nov/25
74	Dong Thi	Hien	B21DCCN046	SV Học viện CNBCVT	Type 1	270	305	575	Elementary Proficiency, Plus/Intermediate	2/Nov/25
75	Pham Huy	Hoa	B21DCCN381	SV Học viện CNBCVT	Type 1	290	285	575	Elementary Proficiency, Plus/Intermediate	2/Nov/25
76	Tran Xuan	Bach	B21DCPT056	SV Học viện CNBCVT	Type 1	295	280	575	Elementary Proficiency, Plus/Intermediate	2/Nov/25
77	Phan Thi Thu	Ha	B21DCPT095	SV Học viện CNBCVT	Type 1	310	255	565	Elementary Proficiency, Plus/Intermediate	2/Nov/25
78	Nguyen Xuan	Kien	B21DCVT260	SV Học viện CNBCVT	Type 1	330	230	560	Elementary Proficiency, Plus/Intermediate	2/Nov/25
79	Pham Xuan Viet	Cuong	B21DCCN192	SV Học viện CNBCVT	Type 1	310	250	560	Elementary Proficiency, Plus/Intermediate	2/Nov/25
80	Nguyen Van	Han	B21DCCN326	SV Học viện CNBCVT	Type 1	310	240	550	Elementary Proficiency, Plus/Intermediate	2/Nov/25
81	Nguyen Thanh	Huyen	B21DCPT133	SV Học viện CNBCVT	Type 1	305	240	545	Elementary Proficiency, Plus/Intermediate	2/Nov/25
82	Mai Thi	Hoa	B21DCPT111	SV Học viện CNBCVT	Type 1	300	240	540	Elementary Proficiency, Plus/Intermediate	2/Nov/25
83	Dam Cong	Thoai	B21DCCN695	SV Học viện CNBCVT	Type 1	270	260	530	Elementary Proficiency, Plus/Intermediate	2/Nov/25
84	Nguyen Thanh	Thuy	B20DCAT185	SV Học viện CNBCVT	Type 1	290	240	530	Elementary Proficiency, Plus/Intermediate	2/Nov/25
85	Pham Quang	Hieu	B21DCPT107	SV Học viện CNBCVT	Type 1	260	260	520	Elementary Proficiency, Plus/Intermediate	2/Nov/25
86	Nguyen Xuan	Khai	B21DCAT106	SV Học viện CNBCVT	Type 1	265	240	505	Elementary Proficiency, Plus/Intermediate	2/Nov/25
87	Do Manh	Dung	B21DCQT037	SV Học viện CNBCVT	Type 1	295	175	470	Elementary Proficiency, Plus/Intermediate	2/Nov/25
88	Trinh Thi	Yen	B21DVQT313	SV Học viện CNBCVT	Type 1	270	200	470	Elementary Proficiency, Plus/Intermediate	2/Nov/25
89	Ta Van	Vinh	B20DCVT418	SV Học viện CNBCVT	Type 1	255	210	465	Elementary Proficiency, Plus/Intermediate	2/Nov/25

No.	Name		Code	Position	Type	Listening	Reading	Total	Proficiency Levels/ Training Levels	Test date
90	Doan Thi Lan	Anh	B21DVQT012	SV Học viện CNBCVT	Type 1	285	155	440	Elementary Proficiency, Plus/Intermediate	2/Nov/25
91	Chu Quoc	Hoan	B21DCQT058	SV Học viện CNBCVT	Type 1	220	180	400	Elementary Proficiency/Elementary	2/Nov/25
92	Nguyen Khac	Son	B20DCCN580	SV Học viện CNBCVT	Type 1	200	150	350	Elementary Proficiency/Elementary	2/Nov/25
93	Phan Quang	Thanh	B20DCVT362	SV Học viện CNBCVT	Type 1	160	180	340	Elementary Proficiency/Elementary	2/Nov/25
94	Dao Hai	Dang	B21DCCN197	SV Học viện CNBCVT	Type 1	175	155	330	Elementary Proficiency/Elementary	2/Nov/25
95	Tran Quang	Thang	B21DCPT204	SV Học viện CNBCVT	Type 1	185	145	330	Elementary Proficiency/Elementary	2/Nov/25
96	Nguyen Ngo Thu	Hang	B21DVQT089	SV Học viện CNBCVT	Type 1	215	60	275	Elementary Proficiency/Elementary	2/Nov/25